

Số: 04/2025/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

Căn cứ Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổ chức pháp chế;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 01/TTr-SNV ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên (sau đây viết tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, tham mưu, giúp Ủy

ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; giáo dục đại học (nếu có).

2. Sở có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trụ sở làm việc

a) Cơ sở 1: Số 603 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.

b) Cơ sở 2: Phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại: Điều 4 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Điều 40 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, các quy định của pháp luật có liên quan và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ban hành văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về giáo dục; phương án tích hợp nội dung về mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo vào quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch và các quy định có liên quan; kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông trên địa bàn; kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông được phân công trên phạm vi địa bàn tỉnh; các văn bản pháp luật về giáo dục theo thẩm quyền.

b) Văn bản chấp thuận về việc thành lập, cho phép thành lập; sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học; trường cao đẳng sư phạm, phân hiệu của trường cao đẳng sư phạm trên địa bàn.

c) Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thực tiễn của địa phương.

d) Phê duyệt Phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở theo quy định.

2. Phối hợp Sở Nội vụ tổng hợp số lượng người làm việc hằng năm của các cơ sở giáo dục công lập trong kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tuyển dụng hoặc phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các cơ sở đại học; trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm, trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh theo phân cấp của Chính phủ.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường.

6. Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn.

7. Quản lý về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (trừ sư phạm)

a) Triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp ở địa phương sau khi được phê duyệt; sắp xếp, tổ chức hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;

c) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và nhà giáo; tổ chức hội giảng nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh, các hội thi có liên quan đến người học các chương trình giáo dục nghề nghiệp;

d) Tổ chức thực hiện việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể, đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp; việc thành lập, công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; việc thành lập, đình chỉ hoạt động phân hiệu của trường trung cấp; việc công nhận, không công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục, việc công nhận, miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục. Thực hiện việc công nhận Hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; việc cấp, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp;

đ) Rà soát, xây dựng, quản lý danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo khác; tổ chức thực hiện quy định về đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp, đào tạo thường xuyên, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề trong doanh nghiệp; thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động nông thôn, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nữ và các đối tượng chính sách khác.

8. Tham gia thẩm định thực tế đề án thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn.

9. Thường xuyên cập nhật thông tin về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất về thống kê, công khai lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc phạm vi quản lý với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Sở có Giám đốc và không quá 03 (ba) Phó Giám đốc

a) Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phó Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc sở, giúp Giám đốc sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc sở vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc sở ủy quyền thay Giám đốc sở điều hành các hoạt động của sở. Phó Giám đốc sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

c) Căn cứ các quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, Giám đốc Sở quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng, tổ chức hành chính, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở theo tiêu chuẩn chức danh do cấp có thẩm quyền ban hành và theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức hành chính thuộc Sở: 07 tổ chức

- a) Văn phòng (bao gồm công tác pháp chế);
- b) Phòng Tổ chức cán bộ;
- c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- d) Phòng Quản lý chất lượng;
- đ) Phòng Giáo dục phổ thông;
- e) Phòng Giáo dục Mầm non;
- g) Phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Các tổ chức hành chính thuộc Sở gồm: Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương, công chức chuyên môn, nghiệp vụ. Việc bố trí số lượng biên chế công chức tối thiểu của tổ chức hành chính thuộc Sở; số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương của tổ chức hành chính thuộc Sở thực hiện theo quy định tại Điều 5, khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các quy định của pháp luật có liên quan.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, cách chức, điều động, luân chuyển, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của tổ chức hành chính thuộc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của tổ chức hành chính thuộc Sở do cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 76 đơn vị (*Có Phụ lục kèm theo*)

Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

4. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

a) Biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hằng năm, Giám đốc Sở có trách nhiệm xây dựng Đề án điều chỉnh vị trí việc làm (nếu có) và kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh.

c) Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, điều động, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động phải căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

1. Việc sắp xếp giảm số lượng cấp phó theo quy định thực hiện trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính mà vẫn là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này, thực hiện chế độ, chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện việc bố trí, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự của Sở; đề xuất, tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy định;

b) Xây dựng và chỉ đạo việc xây dựng Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; thẩm định, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh;

c) Xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Cơ quan Sở; chỉ đạo việc xây dựng và quyết định phê duyệt quy chế làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức hành chính thuộc Sở; quy định trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu các tổ chức hành chính, đơn vị thuộc Sở; quy định chế độ thông tin, báo cáo, mối quan hệ công tác, lễ lối làm việc của tổ chức hành chính, đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh;

d) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng, ban hành mới các quy chế và quy định nội bộ khác của Sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, Quy chế làm việc của Sở, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

e) Chỉ đạo việc sắp xếp, tổ chức lại, giải thể (nếu có) các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở gắn với việc tinh giản biên chế đảm bảo theo các Kế hoạch, Chương trình, Quyết định của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của Sở Giáo dục và Đào tạo; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thay thế Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên và Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Bình.

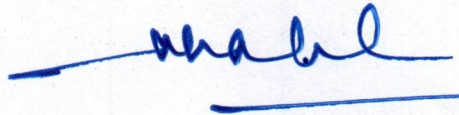
Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở, ngành: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực IV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Pháp chế);
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý, xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở DLQG về pháp luật);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, CV NC. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Thận

Phụ lục
DANH SÁCH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HUNG YÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND
ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên đơn vị sự nghiệp công lập
1	Trường THPT Chuyên Hưng Yên
2	Trường THPT Hưng Yên
3	Trường THPT Tiên Lữ
4	Trường THPT Trần Hưng Đạo
5	Trường THPT Phù Cù
6	Trường THPT Nam Phù Cù
7	Trường THPT Kim Động
8	Trường THPT Đức Hợp
9	Trường THPT Nghĩa Dân
10	Trường THPT Ân Thi
11	Trường THPT Phạm Ngũ Lão
12	Trường THPT Nguyễn Trung Ngạn
13	Trường THPT Yên Mỹ
14	Trường THPT Minh Châu
15	Trường THPT Triệu Quang Phục
16	Trường THPT Mỹ Hào
17	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật
18	Trường THPT Văn Lâm
19	Trường THPT Trung Vương
20	Trường THPT Khoái Châu
21	Trường THPT Trần Quang Khải
22	Trường THPT Nguyễn Siêu
23	Trường THPT Văn Giang
24	Trường THPT Dương Quảng Hàm
25	Trường THPT Đông Tiễn Hải

26	Trường THPT Nam Tiền Hải
27	Trường THPT Tây Tiền Hải
28	Trường THPT Bình Thanh
29	Trường THPT Bắc Kiến Xương
30	Trường THPT Nguyễn Du
31	Trường THPT Chu Văn An
32	Trường THPT Đông Hưng Hà
33	Trường THPT Nam Duyên Hà
34	Trường THPT Bắc Duyên Hà
35	Trường THPT Hưng Nhân
36	Trường THPT Quỳnh Thọ
37	Trường THPT Quỳnh Côi
38	Trường THPT Phụ Dực
39	Trường THPT Tây Thụy Anh
40	Trường THPT Đông Thụy Anh
41	Trường THPT Thái Phúc
42	Trường THPT Thái Ninh
43	Trường THPT Tiên Hưng
44	Trường THPT Bắc Đông Quan
45	Trường THPT Nam Đông Quan
46	Trường THPT Mê Linh
47	Trường THPT Phạm Quang Thắm
48	Trường THPT Vũ Tiên
49	Trường THPT Lý Bôn
50	Trường THPT Nguyễn Trãi
51	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh
52	Trường THPT Lê Quý Đôn
53	Trường THPT Chuyên Thái Bình
54	Trường THCS&THPT Hoàng Hoa Thám
55	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hưng Yên
56	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thái Bình

57	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quỳnh Phụ
58	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hưng Hà
59	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đông Hưng
60	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thái Thụy
61	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tiền Hải
62	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kiến Xương
63	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên Thái Bình
64	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vũ Thư
65	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Yên Mỹ
66	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Ân Thi
67	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phố Hiến
68	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Văn Lâm
69	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Văn Giang
70	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Mỹ Hào
71	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Khoái Châu
72	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kim Động
73	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tiên Lữ
74	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phù Cù
75	Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên
76	Trường Trung cấp cho Người khuyết tật Thái Bình